

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2019

Về việc Ly hôn và con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông,

2. Ông Doãn Văn Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Phương-Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 851/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn và con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2019/QĐST-HGND, ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Trung D; Nơi cư trú: Thôn 9, xã M, huyện T, thành phố H; vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị L; Nơi cư trú: Thôn 9, xã M, huyện T, thành phố H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Bùi Trung D trình bày: Anh và chị Đỗ Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, thành phố H vào ngày 13 tháng 3 năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau tại thôn 9, xã M, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống,

trong làm ăn kinh tế, chị L không chịu khó lao động thường xuyên bỏ nhà đi chơi bời, không quan tâm chăm sóc con cái, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài mặc dù đã được gia đình khuyên bảo nhưng chị L không nghe, do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay vợ chồng không còn quan tâm nhau. Nay để ổn định cuộc sống anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đỗ Thị L.

Về con chung: Anh và chị Đỗ Thị L có 04 con chung tên: Bùi Thị H, sinh ngày 17/5/2006; Bùi Thị H, sinh ngày 19/6/2008; Bùi Trung K, sinh ngày 15/11/2011 và Bùi Trung K, sinh ngày 30/4/2016, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung do anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi con chung, cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để anh và chị L tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Bùi Trung D trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Đỗ Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị Đỗ Thị L vẫn không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Bùi Trung D.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Bùi Trung D vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là chị Đỗ Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Bùi Trung D tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao 04 con chung tên: Bùi Thị H, sinh ngày 17/5/2006; Bùi Thị H, sinh ngày 19/6/2008; Bùi Trung K, sinh ngày 15/11/2011 và Bùi Trung K, sinh ngày 30/4/2016, cho anh Bùi Trung D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cả 04 con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Trung D không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết; Về tài sản chung đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Trung D; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M và Công an xã M, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là anh Bùi Trung D vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là chị Đỗ Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Trung D và chị Đỗ Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 11/2006, ngày 13/3/2006 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế, chị L không chịu khó lao động thường xuyên bỏ nhà đi chơi bời, không quan tâm chăm sóc con cái, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài mặc dù đã được gia đình khuyên bảo nhưng chị L không nghe, do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay vợ chồng không còn quan tâm nhau. Nay để ổn định cuộc sống anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đỗ Thị L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị Đỗ Thị L đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Trung D. Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị L đã kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân nhau một thời gian dài mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Điều đó thể hiện hôn nhân giữa anh Bùi Trung D và chị Đỗ Thị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Trung D, cho anh Bùi Trung D được ly hôn chị Đỗ Thị L.

[3]. Về con chung: Anh Bùi Trung D trình bày: Quá trình chung sống anh và chị L có 04 con chung tên: Bùi Thị H, sinh ngày 17/5/2006; Bùi Thị H, sinh ngày 19/6/2008; Bùi Trung K, sinh ngày 15/11/2011 và Bùi Trung K, sinh ngày 30/4/2016, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung do anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn anh D đề nghị được tiếp tục được nuôi 04 con chung, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Đỗ Thị L vắng mặt không có ý kiến trình bày về con chung, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện từ khi vợ chồng anh D và chị L sống ly thân nhau đến nay, anh Bùi Trung D là người trực tiếp nuôi con chung vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt. Mặt khác các con chung tên Bùi Thị H, Bùi Thị H và Bùi Trung K đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bố là anh Bùi

Trung D để ổn định, cuộc sống và học tập. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao các con chung tên: Bùi Thị H, sinh ngày 17/5/2006; Bùi Thị H, sinh ngày 19/6/2008; Bùi Trung K, sinh ngày 15/11/2011 và Bùi Trung K, sinh ngày 30/4/2016, cho anh Bùi Trung D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cả 04 con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Trung D đề nghị Tòa án giải quyết để anh và chị Đỗ Thị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị L chưa có ý kiến trình bày về cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung:

Anh Bùi Trung D trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đỗ Thị L chưa có ý kiến trình bày về tài sản chung, vay nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Anh Bùi Trung D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Bùi Trung D được ly hôn chị Đỗ Thị L.

2. Về con chung: Giao 04 con chung tên: Bùi Thị H, sinh ngày 17/5/2006; Bùi Thị H, sinh ngày 19/6/2008; Bùi Trung K, sinh ngày 15/11/2011 và Bùi Trung K, sinh ngày 30/4/2016, cho anh Bùi Trung D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cả 04 con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Anh Bùi Trung D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000139, ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng. Anh Bùi Trung D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã M, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị SỰ

